

HƯỚNG DẪN

Việc thực hiện đánh giá các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới; để có cơ sở trong việc đánh giá mức độ hoàn thành các tiêu chí về nông thôn mới của các xã, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Hướng dẫn việc thực hiện đánh giá các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh như sau:

NHÓM 1: QUY HOẠCH

1. Tiêu chí số 1 (Quy hoạch)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Lập quy hoạch	- Có quy hoạch nông thôn mới được lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; - Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố rộng rãi tới các thôn.	Đạt
2	Công khai quy hoạch	- Có công bố, trưng bày niêm yết công khai quy hoạch, các bản vẽ quy hoạch theo quy định; - Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới quy hoạch đối với các công trình hạ tầng theo quy hoạch đã được phê duyệt.	Đạt
3	Quản lý, thực hiện quy hoạch	Có Quy chế quản lý quy hoạch được UBND cấp huyện, thị xã phê duyệt.	Đạt

Phương pháp đánh giá: Xã được đánh giá là đạt tiêu chí Quy hoạch khi đạt cả 03 nội dung nêu trên.

NHÓM 2: HẠ TẦNG KINH TẾ- XÃ HỘI

2. Tiêu chí số 2 (Giao thông)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Đường trục xã, liên xã (2.1)	100% chiều dài đường trục xã, liên xã được nhựa hoá hoặc bê tông hoá (Tiêu chuẩn đường cấp AH, có nền đường 6,5m, mặt đường 3,5m, lề đường 1,5m x 2 bên; Tiêu chuẩn đường cấp A có nền đường 5m (trong điều kiện khó khăn 4m), mặt đường 3,5m (trong điều kiện khó khăn 3m) ¹)	Đạt
2	Đường trục thôn (2.2)	- 70% đường trục thôn được cứng hoá (Tiêu chuẩn đường cấp A có nền đường 5m (trong điều kiện khó khăn 4m), mặt đường 3,5m (trong điều kiện khó khăn 3m); Tiêu chuẩn đường cấp B có nền đường 4m, mặt đường 3m, trong điều kiện địa hình khó khăn hoặc trong bước đầu phân kỳ xây dựng có thể giảm chiều rộng nền đường còn 3,5m, mặt đường còn 2,5m) ² ; - Trong trường hợp đường đang sử dụng, điều kiện đầu tư đang khó khăn thì cần cấm mốc nền đường theo quy hoạch, khi có điều kiện sẽ tiếp tục mở rộng. Nếu mặt đường đạt 80% theo quy định và đảm bảo các điều kiện trên thì coi là đạt tiêu chí tuyến đó.	Đạt
3	Đường ngõ, xóm (2.3)	100% Đường ngõ, xóm được cứng hóa, không lầy lội vào mùa mưa (Tiêu chuẩn đường cấp B). Trong trường hợp đường đang sử dụng; điều kiện đầu tư đang khó khăn thì cần cấm mốc nền đường theo quy hoạch, bố trí điểm tránh và đỗ xe ô tô dọc tuyến. Nếu mặt đường đạt 80% theo quy định và đảm bảo các điều kiện trên thì coi là đạt tiêu chí tuyến đó.	Đạt
4	Đường trục chính nội đồng (2.4)	70% Đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện (Tiêu chuẩn đường B hoặc C có nền đường 4m, mặt đường 3m, trong điều kiện khó khăn thì có thể áp dụng nền đường rộng 3,5m, mặt đường rộng 2,5m) ³	Đạt

* Phương pháp đánh giá:

- Trên cơ sở quy định nêu trên, UBND các xã tính toán tỷ lệ đạt chuẩn (Hiện trạng đạt chuẩn/nhu cầu cần xây dựng), nếu đạt tỷ lệ theo nội dung bảng đánh giá thì đánh giá đạt, nếu chưa đạt thì đánh giá không đạt;

¹ QĐ 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2011 của Bộ Giao thông Vận tải

² QĐ 1918/QĐ- UBND ngày 11/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị

³ Văn bản số 523/GTVT-KH ngày 15/3/2013 của Sở GT-VT tỉnh Quảng Trị

- Xã được đánh giá là đạt tiêu chí giao thông khi đạt cả 04 nội dung (2.1, 2.2, 2.3 và 2.4).

*** Giải thích từ ngữ:**

- Cứng hóa là đường được trải nhựa, trải bê tông, lát bằng gạch, đá xẻ hoặc trải cấp phối có lu lèn bằng đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xi;

- Các loại đường giao thông nông thôn:

+ Đường trục xã là đường nối trung tâm hành chính xã đến trung tâm các thôn;

+ Đường trục thôn là đường nối trung tâm thôn đến các cụm dân cư trong thôn;

+ Đường ngõ, xóm là đường nối giữa các hộ gia đình trong các cụm dân cư;

+ Đường trục chính nội đồng là đường chính nối từ khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của thôn, xã.

*** Các yêu cầu trong xây dựng đường giao thông:**

- Đối với đường xây dựng mới: Các xã phải căn cứ vào khả năng nguồn lực thực tế được cấp trên phân bổ và giao chỉ tiêu hàng năm để xác định công trình ưu tiên, lộ trình thực hiện cho phù hợp. Nếu nguồn lực có hạn thì tập trung hoàn thành cấm mốc nền đường theo quy hoạch, xây dựng mặt đường nhỏ hơn, khi có điều kiện sẽ tiếp tục mở rộng đủ quy hoạch;

- Đối với đường đang sử dụng: Nơi nào mặt đường hẹp, không thể mở rộng theo quy định thì có thể cải tạo, tận dụng tối đa diện tích 2 bên để mở rộng mặt đường, đồng thời nâng cấp tạo các điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến (cần quy hoạch các bãi đỗ xe để các hộ có xe ô tô có thể gửi xe thuận lợi). Nếu mặt đường đảm bảo 80% theo quy định và đảm bảo các điều kiện trên thì được xem là đạt tiêu chí tuyến đó.

3. Tiêu chí số 3 (Thủy lợi)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh (3.1)	Số lượng các trạm bơm, kênh mương tưới tiêu, cống nội đồng chính của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh (chủ động tưới tiêu cho các vùng sản xuất)	Đạt
2	Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa (3.2)	85% kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	Đạt

*** Phương pháp đánh giá:** Xã được đánh giá là đạt tiêu chí thủy lợi khi đạt cả 02 nội dung (3.1 và 3.2).

*** Giải thích từ ngữ:**

a) Kiên cố hoá là gia cố kênh mương bằng các vật liệu (đá xây, gạch xây, bê tông, composite) để bảo đảm kênh mương hoạt động ổn định, bền vững. Trường hợp tưới tiêu bằng đường ống cố định cũng được coi là kiên cố hoá.

- Tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số km kênh mương đã được kiên cố hoá so với tổng số km kênh mương cần được kiên cố hoá theo quy hoạch;

- Vùng không áp dụng kiên cố hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là các vùng thuộc vùng ruộng nhỏ, địa hình phức tạp, bậc thang, việc kiên cố cần đầu tư nguồn vốn lớn nhưng diện tích tưới và hiệu quả tưới tiêu không cao; vùng ruộng chưa được dôn điền đổi thửa; vùng đất cát đang sử dụng mạch nước ngầm mà việc kiên cố hóa có nguy cơ chặn nguồn nước ngầm không đảm bảo cho tưới tiêu.

b) Hệ thống thủy lợi trong phạm vi do xã quản lý cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh, phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Có hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt, được bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên bảo đảm phát huy trên 80% năng lực thiết kế;

- Phục vụ sản xuất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; Tạo nguồn để cơ bản đáp ứng yêu cầu nước cho sinh hoạt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và hoạt động sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn;

- Có tổ chức (Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác, Tổ quản lý thủy nông) quản lý khai thác và bảo vệ công trình, đảm bảo kênh mương, công, kè, đập, bờ bao. Được vận hành có hiệu quả bền vững, phục vụ cho sản xuất, dân sinh, được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận.

4. Tiêu chí số 4 (Điện nông thôn)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện (4.1)	Hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt
2	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (4.2)	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 98% trở lên	Đạt

* **Phương pháp đánh giá:** Xã được đánh giá là đạt tiêu chí điện nông thôn khi đáp ứng đủ 02 nội dung (4.1 và 4.2).

* Giải thích từ ngữ:

a) Hệ thống điện nông thôn bao gồm: Các trạm biến áp phân phối, các tuyến đường dây trung áp, các tuyến đường dây hạ áp, đồng hồ đo đếm điện năng phục vụ sản xuất và đời sống khu vực nông thôn.

b) Hệ thống điện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của ngành điện được hiểu là đảm bảo đáp ứng các nội dung của Quy định kỹ thuật điện nông thôn (viết tắt là QĐKT-ĐNT-2006) ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) cả về xác định phụ tải điện, lưới điện phân phối, trạm biến áp phân phối, đường dây cấp hạ áp, khoảng cách an toàn và hành lang bảo vệ, chất lượng điện áp. UBND các xã đề nghị cơ quan quản lý hệ thống điện trên địa bàn xã có trách nhiệm xác định mức độ đạt chuẩn của chỉ tiêu này.

c) Nguồn cấp điện cho nông thôn gồm: Nguồn điện được cấp từ lưới điện quốc gia, hoặc ngoài lưới điện quốc gia. Tại địa bàn chưa được cấp điện lưới quốc gia, tùy vào điều kiện cụ thể của địa phương để xem xét, áp dụng phương tiện phát điện tại chỗ như thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, diesel hoặc kết hợp các nguồn nói trên.

d) Sử dụng điện thường xuyên là đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày.

e) Đảm bảo an toàn về điện khi đạt các quy định trong Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (QCVN 01: 2008/BCT) ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

*** Ghi chú:**

Khi đánh giá tiêu chí này, các xã cần tổng hợp các danh mục, hệ thống lưới điện, thiết bị điện chưa đảm bảo an toàn gửi về cơ quan chuyên môn cấp huyện để có kế hoạch phối hợp với Chi nhánh điện trên địa bàn kiểm tra và có phương án khắc phục sửa chữa kịp thời.

5. Tiêu chí số 5 (Trường học)

Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
Cơ sở vật chất trường học	80% Trường học các cấp (Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở) có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	Đạt

*** Phương pháp đánh giá:** Xã được đánh giá là đạt tiêu chí trường học khi có tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia được UBND tỉnh Quảng Trị công nhận đạt từ 80% trở lên.

*** Giải thích từ ngữ:**

- Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia ban hành tại Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 quy định tại Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia;

- Trường trung học cơ sở (THCS) đạt chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.

Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường, điểm trường đạt chuẩn cơ sở vật chất trên tổng số trường, điểm trường của xã.

6. Tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Nhà văn hóa	Nhà văn hóa và khu thể thao xã phải đạt chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của các Trung tâm văn hóa - thể thao xã và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL.	Đạt
2	Khu thể thao xã		
3	Nhà văn hóa	100% thôn hoặc liên thôn có nhà văn hóa và khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011.	Đạt
4	Khu thể thao thôn		

* Phương pháp đánh giá:

- Xã có nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT- BVHTTDL ngày 22/12/2010 và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch thì đánh giá đạt.

Trường hợp đối với Nhà văn hóa và Khu thể thao xã được xây dựng trước ngày Thông tư 41/2013/TT-BNNPTNT có hiệu lực, có diện tích và quy mô xây dựng không đạt theo quy định nhưng vẫn phát huy tốt công năng sử dụng, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hoá và thể thao ở địa phương thì các xã tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí; tùy trường hợp cụ thể, Hội đồng thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới xem xét Quyết định.

- Xã có 100% thôn hoặc liên thôn có nhà văn hoá và khu thể thao đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT- BVHTTDL ngày 08/3/2011 và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 và Thông tư số 06/2011/TT- BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch; văn bản số 3897/BVHTTDL- VHCS ngày 30/10/2014 của Bộ văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc thực hiện tiêu chí xây dựng cơ sở vật chất văn hoá trong xây dựng nông thôn mới thì đánh giá đạt.

* Để đánh giá tiêu chí này ở địa phương cần lưu ý:

- Trường hợp thôn đã xây dựng nhà văn hoá, sân thể thao của thôn nhưng chưa đạt về diện tích sàn xây dựng, tường rào, nhà để xe. Nhưng mà đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hoá, thể dục, thể thao của cộng đồng dân cư thì các xã tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí; tùy trường hợp cụ thể, Hội đồng thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới xem xét Quyết định;

- Trường hợp thôn sử dụng trụ sở thôn, trụ sở của Hợp tác xã hoặc Đình làng, nhà Rông làm nơi sinh hoạt văn hoá của thôn mà có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn nhà văn hoá thì vẫn đánh giá đạt;

- Trường hợp thôn ở Trung tâm xã thì không phải xây dựng Nhà văn hoá thôn và sân thể thao thôn, thì vẫn đánh giá đạt;

- Một số thôn, làng, bản có số dân ít, địa giới hành chính gần nhau, được sự đồng thuận của nhân dân có thể tổ chức sinh hoạt văn hoá, thể thao tại một Nhà văn hoá liên thôn.

Về lâu dài các địa phương này cần có lộ trình cụ thể để quy hoạch, đầu tư xây dựng Trung tâm văn hoá - thể thao xã; Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã ban hành.

7. Tiêu chí số 7 (Chợ nông thôn)

*** Đối tượng áp dụng:**

a) Chợ đạt chuẩn chỉ áp dụng đối với các xã có chợ theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn được UBND cấp huyện, thị xã phê duyệt

b) Xã có chợ nhưng không thuộc loại quy hoạch của huyện thì xét theo quy định riêng (nếu có) của UBND cấp huyện, thị xã.

*** Phương pháp đánh giá:**

Đối với xã có chợ theo quy hoạch được UBND cấp huyện, thị xã phê duyệt đáp ứng đủ 2 nội dung sau thì đánh giá đạt.

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Công trình kỹ thuật	Có đủ các công trình của chợ nông thôn do xã quản lý (chợ hạng 3) được quy định trong TCVN 9211: 2012; Tiêu chuẩn thiết kế ban hành tại quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia.	Đạt
2	Điều hành quản lý chợ	- Có tổ chức quản lý; - Có nội quy chợ do UBND xã quy định và niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm; - Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa; - Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.	Đạt

Đối với xã có chợ nhưng không thuộc loại quy hoạch của huyện, thị xã: Giao cho UBND cấp huyện, thị xã quy định cụ thể phù hợp với phong tục tập quán, sinh hoạt của người dân địa phương, nhưng đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu cho người dân đến trao đổi, mua bán hàng hoá.

8. Tiêu chí số 8 (Bưu điện)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Bưu chính, viễn thông (8.1)	- Có ít nhất 01 điểm phục vụ cung cấp được 02 dịch vụ bưu chính, viễn thông để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông của các tổ chức, cá nhân tại địa phương; - Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại điều 4, điều 5 Quyết định số 463/QĐ-BTTTT ngày 22/3/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong trường hợp xã chỉ có 01 điểm bưu chính, viễn thông thì điểm phục vụ đó phải có khả năng đồng thời cung ứng dịch vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông công cộng. Trường hợp xã không có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, nếu có ít 30% số hộ gia đình trong xã có thuê bao riêng sử dụng dịch vụ viễn thông thì được coi là đạt tiêu chí về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.	Đạt
2	Internet (8.2)	Có ít nhất 30% số thôn thuộc xã đáp ứng một trong các điều kiện sau: - Có hạ tầng kỹ thuật viễn thông sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển thuê bao cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ truy cập Internet ở các thôn trong xã; - Có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ truy cập internet theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy cập internet ADSL, Mã số QCVN 34: 2011/BTTTT.	Đạt

* Phương pháp đánh giá:

Xã hoàn thành Tiêu chí số 8 về bưu điện phải đạt đủ 02 nội dung (8.1 và 8.2).

Để đánh giá về Tiêu chí số 8 (Bưu điện), UBND các xã lập phiếu điều tra theo các nội dung trên gửi về Phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị xã để xác nhận mức độ đạt hay không đạt các chỉ tiêu về Bưu điện trên địa bàn quản lý.

Phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị xã phối hợp với các xã, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, đề xuất (nếu có) về các nội dung thực hiện tiêu chí số 8, tổng hợp kết quả báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông; đồng thời báo cáo UBND các huyện, thị xã để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tổ chức thẩm định, xét công nhận.

*** Giải thích từ ngữ:**

a) Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông là địa điểm cung ứng một hoặc cả hai dịch vụ: Dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông công cộng do doanh nghiệp dịch vụ bưu chính viễn thông quản lý, đóng tại địa bàn xã.

b) Dịch vụ bưu chính là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.

c) Viễn thông là việc gửi, truyền, nhận và xử lý ký hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng đường cáp, sóng vô tuyến điện, phương tiện quang học và phương tiện điện tử khác.

d) Dịch vụ viễn thông là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng.

e) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông là địa điểm do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp quản lý, khai thác để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ, bao gồm điểm cung cấp dịch vụ có người phục vụ và điểm cung cấp dịch vụ không có người phục vụ. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bao gồm cả các đại lý dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông.

9. Tiêu chí số 9 (Nhà ở)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Nhà tạm, nhà dột nát (9.1)	Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát	Đạt
2	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng (9.2)	80% trở lên	Đạt

*** Phương pháp đánh giá:**

Xã được công nhận đạt tiêu chí nhà ở dân cư khi đáp ứng đủ 02 nội dung (9.1 và 9.2).

Trong trường hợp nhà ở của người dân không đạt về diện tích từ 14m²/người trở lên, nhưng đảm bảo được “03 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng) và phù hợp với đặc tính sinh hoạt, bản sắc văn hóa và tính chất của vùng miền thì các xã tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí; tùy trường hợp cụ thể, Hội đồng thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới xem xét Quyết định.

*** Giải thích từ ngữ:**

a) Nhà tạm, nhà dột nát là loại nhà xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng dưới 5 năm hoặc không đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng); thiếu diện tích: ở, bếp, nhà vệ sinh theo quy định; không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

b) Nhà ở nông thôn đạt chuẩn Bộ Xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nhà ở đảm bảo “03 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng) và diện tích nhà ở đạt từ 14m²/người trở lên;

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên;
- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi ...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt;
- Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

NHÓM 3: KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

10. Tiêu chí số 10 (Thu nhập)

* **Đánh giá đạt tiêu chí:** Xã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt mức tối thiểu như sau:

- + Năm 2014 đạt 17 triệu đồng/người;
- + Năm 2015 đạt 18 triệu đồng/người;
- + Năm 2020 đạt 35 triệu đồng/người.

Riêng đối với các xã thuộc vùng đang thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ- CP, mức thu nhập tối thiểu như sau:

- + Năm 2014 đạt 16 triệu đồng/người;
- + Năm 2015 đạt 17 triệu đồng/người;
- + Năm 2020 đạt 35 triệu đồng/người.

Mức thu nhập quy định cụ thể từng năm giữa các giai đoạn do Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chi tiết.

*** Phương pháp tính:**

Tổng thu nhập của các hộ trong xã trong 01 năm được tổng hợp từ thu nhập của tất cả các hộ trong xã; Thu nhập của hộ bao gồm các nguồn:

- Thu từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, sau khi đã trừ chi phí sản xuất và thuế, các chi phí khác (nếu có);
- Thu từ sản xuất ngành nghề phi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, sau khi đã trừ chi phí sản xuất và thuế, các chi phí khác (nếu có);
- Thu từ tiền công, tiền lương;
- Thu từ tiền công, tiền lương của thành viên trong gia đình làm việc phi nông nghiệp trong và ngoài địa bàn xã;
- Thu khác được tính vào thu nhập, như: Quà biếu, lãi tiết kiệm,...

Các khoản thu không tính vào thu nhập, gồm: Các khoản trợ cấp xã hội, hỗ trợ tiền điện, rút tiền tiết kiệm, thu nợ, bán tài sản, vay nợ, tạm ứng.

Mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã sẽ do xã tự điều tra, thu thập thông tin và tính toán theo hướng dẫn thống nhất của Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị trên phạm vi toàn tỉnh.

Chi cục Thống kê cấp huyện, thị xã có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ các xã điều tra, đồng thời thẩm định trình UBND huyện công nhận. UBND cấp huyện, thị xã công nhận mức độ đạt tiêu chí thu nhập cho từng xã.

11. Tiêu chí số 11 (Hộ nghèo)

Đánh giá tiêu chí: Xã được công nhận đạt tiêu chí hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo của xã đạt dưới 5%.

*** Khái niệm:** Hộ nghèo nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng bằng hoặc thấp hơn chuẩn nghèo do Nhà nước quy định áp dụng cho từng giai đoạn.

*** Phương pháp đánh giá hàng năm:**

Hàng năm, UBND cấp xã tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo để tính tỷ lệ hộ nghèo của xã.

Lưu ý trong quá trình điều tra, rà soát hộ nghèo, các địa phương nên phân loại hộ nghèo theo 02 đối tượng: hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo (hộ nghèo có ít nhất một thành viên trong hộ còn khả năng lao động) và hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội (hộ nghèo mà không còn thành viên nào trong hộ có khả năng lao động) để có cơ sở xây dựng kế hoạch và thực hiện chính sách giảm nghèo có hiệu quả; đồng thời là cơ sở để Hội đồng thẩm định xem xét, quyết định trong quá trình đánh giá đạt chuẩn.

12. Tiêu chí số 12 (tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên)

*** Đánh giá tiêu chí:**

- Xã được công nhận đạt tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên khi có tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt từ 90% trở lên;

- Lao động có việc làm thường xuyên của xã là những người trong độ tuổi có khả năng lao động, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã, có thời gian làm việc bình quân 20 ngày công/tháng trở lên trong năm cả ở trong và ngoài địa bàn xã.

*** Cách tính:** Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên là tỷ lệ phần trăm giữa số người lao động có việc làm thường xuyên trong tổng số dân trong độ tuổi lao động của xã.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên của xã (\%)} = \frac{\text{Số người có việc làm thường xuyên}}{\text{Tổng số dân trong độ tuổi lao động của xã}} \times 100$$

13. Tiêu chí số 13 (Hình thức tổ chức sản xuất)

*** Đánh giá tiêu chí:** Xã được công nhận đạt tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất khi có ít nhất 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác có đăng ký, hoạt động đạt hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo Luật, có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp.

*** Giải thích từ ngữ:**

a) **Hợp tác xã** hoạt động có hiệu quả khi đảm bảo 03 yêu cầu:

- Được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Tổ chức được ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã và người dân trên địa bàn;
- Kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm liên kế (*trường hợp mới thành lập thì cũng phải đủ 2 năm liên kế có lãi liên tục*).

b) **Tổ hợp** tác hoạt động có hiệu quả đảm bảo 02 yêu cầu:

- Thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động theo đúng qui định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ và Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm liền kề được Ủy ban nhân dân xã xác nhận (*trường hợp mới thành lập thì cũng phải đủ 2 năm liên tục có lãi*).

c) Liên kết giữa hộ nông dân (hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã) với doanh nghiệp, tổ chức khoa học hoặc nhà khoa học lâu dài là có hợp đồng được ký kết giữa các bên và thực hiện có hiệu quả các khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản với thời hạn tối thiểu 03 năm.

* Để đánh giá tiêu chí số 13, UBND các xã lưu ý một số nội dung sau:

- Mốc thời gian để xác nhận Hợp tác xã, Tổ hợp tác kinh doanh có lãi trong 3 năm liền kề là mốc thời gian được tính của các năm liền kề với năm mà UBND xã đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. (ví dụ: Năm 2014, xã A đề nghị công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, thì mốc thời gian để xác nhận xã đạt tiêu chí số 13 là các năm 2014, 2013 và năm 2012);

- Hợp tác xã được thành lập theo Luật HTX năm 2003 (nhưng chưa được chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012) thì vẫn được tính;

- Hợp tác xã có tối thiểu 01 dịch vụ phục vụ cho thành viên Hợp tác xã và người dân trên địa bàn xã.

NHÓM 4: VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

14. Tiêu chí số 14 (Giáo dục)

* **Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:**

1. Xã đạt tiêu chí giáo dục khi đáp ứng đủ 03 yêu cầu:

a) Đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở;

b) Có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt trên 85%;

c) Có tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 35% giai đoạn 2014 - 2015 và 44% giai đoạn 2016 - 2020.

* **Giải thích từ ngữ:**

a) Đạt phổ cập giáo dục THCS khi đạt 02 nội dung sau:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm đạt từ 90% (xã đặc biệt khó khăn 70%) trở lên;

- Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS (bao gồm cả hệ bổ túc) từ 80% trở lên (xã đặc biệt khó khăn 70%).

b) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học phổ thông, bổ túc trung học, học nghề (tại các trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc trường dạy nghề) được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp THCS.

c) Lao động qua đào tạo là lao động trong độ tuổi đã tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn được cấp chứng chỉ nghề hoặc văn bằng từ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên.

15. Tiêu chí số 15 (Y Tế)

* **Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Xã được công nhận đạt tiêu chí y tế khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu:

- a) Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia;
- b) Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt từ 70% trở lên.

* **Giải thích từ ngữ:**

- Trạm xá xã đạt chuẩn quốc gia khi đạt các chỉ tiêu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Quyết định số 3447/QĐ- BYT ngày 22/9/2011 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2020 và được Sở Y tế xác nhận;

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân trong xã có thẻ Bảo hiểm y tế còn hiệu lực trên tổng số dân trong xã;

- Bảo hiểm y tế bao gồm: Bảo hiểm do nhà nước hỗ trợ, bảo hiểm bắt buộc hoặc bảo hiểm tự nguyện.

16. Tiêu chí số 16 (Văn hoá)

Xã được công nhận đạt tiêu chí văn hóa khi có từ 70% thôn trở lên được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa” liên tục từ 05 năm trở lên.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn thôn văn hoá (\%)} = \frac{\text{Số thôn, bản đạt tiêu chuẩn thôn văn hoá}}{\text{Tổng số thôn, bản của xã}} \times 100$$

17. Tiêu chí số 17 (Môi trường):

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Tỷ lệ số dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (17.1)	85% số dân ⁴ được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 50% số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn quốc gia	Đạt
2	Các cơ sở SX - KD đạt tiêu chuẩn về môi trường (17.2)	90% cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn đạt chuẩn về môi trường (10% còn lại tuy có vi phạm nhưng đang khắc phục).	Đạt

⁴ Quyết định số 2570/QĐ- BNN-TCTL ngày 22/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
3	Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp (17.3)	Phong trào vệ sinh môi trường trong các khu dân cư của toàn xã được thực hiện duy trì thường xuyên và liên tục; đường làng ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, thông thoáng; không có hoạt động làm suy giảm môi trường	Đạt
4	Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch (17.4)	Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch, phù hợp với phong tục tập quán của từng địa phương	Đạt
5	Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định (17.5)	Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo qui định	Đạt

*** Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Xã được công nhận đạt tiêu chí 17 về Môi trường phải đạt đủ 05 nội dung (17.1, 17.2, 17.3, 17.4 và 17.5).

*** Giải thích từ ngữ:**

a) Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy định:

- Nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN: 02:2009/BYT) về chất lượng nước sinh hoạt do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 05/2009/TT - BYT ngày 17/6/2009;

- Nước hợp vệ sinh là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thoả mãn yêu cầu chất lượng: không màu, không mùi, không vị lạ, không chứa thành phần gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, có thể dùng để ăn uống sau khi đun sôi.

b) Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 quy định về bảo vệ môi trường làng nghề, Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và các văn bản khác có liên quan.

c) Chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh là chuồng trại đáp ứng các yêu cầu: Nằm cách biệt với nhà ở; chất thải chăn nuôi (phân, nước tiểu) được thu gom xử lý; không xả, chảy tràn trên bề mặt đất; không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.

Lưu ý đối với cơ sở sản xuất - kinh doanh, trang trại chăn nuôi tùy theo quy mô của cơ sở phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

d) Đạt tiêu chí đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường khi đáp ứng các yêu cầu:

- Đường làng, ngõ xóm xanh, sạch, đẹp;
- Trên 90% số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào; cổng ngõ, không lầy lội;
- Có quy định 01 ngày trong tháng để tổ chức tổng vệ sinh với sự tham gia của mọi người dân của xã với các hoạt động: Khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ rác ở đường, trồng cây xanh nơi công cộng...;
- Cơ sở sản xuất kinh doanh (chăn nuôi, chế biến thực phẩm, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, buôn bán phế liệu) có hệ thống xử lý môi trường, khí thải, không có hoạt động xả nước thải, chất thải ra bề mặt đất gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.

e) Nghĩa trang có quy hoạch và quản lý theo quy hoạch:

- Mỗi thôn hoặc liên thôn; hoặc xã, liên xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp với tập quán của địa phương (trừ nơi có tập quán an táng không ở nghĩa trang như ở vùng đồng bào dân tộc);
- Có Quy chế quản lý nghĩa trang;
- Việc táng người chết phải được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại.

f) Rác thải, chất thải, nước thải được thu gom và xử lý là:

- Hộ gia đình có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt tiêu chuẩn quy định; có hệ thống tiêu thoát (nước thải, chất thải sinh hoạt) đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh;
- Các khu dân cư tập trung với mật độ cao phải xây dựng hệ thống tiêu thoát nước thải. Đối với các khu dân cư phân tán hoặc có mật độ thấp thì mỗi hộ dân phải xử lý nước thải phát sinh bằng hố thấm và không thải nước ra đường, ra nơi công cộng;
- Thôn, xã có tổ dịch vụ thu gom rác thải và xử lý tại bãi rác tập trung.

NHÓM 5: HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

18. Tiêu chí số 18 (Tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh)

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
1	Cán bộ xã đạt chuẩn (18.1)	100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn	Đạt

Mục	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Mức độ đánh giá
2	Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định (18.2)	Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt
3	Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” (18.3)	Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương tại Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 11/10/2011 về đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên	Đạt
4	Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên (18.4)	Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã được công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt

*** Đánh giá mức độ đạt tiêu chí:** Xã đạt tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh khi đáp ứng đủ 04 nội dung (18.1, 18.2, 18.3 và 18.4)

*** Giải thích từ ngữ:**

a) Hệ thống tổ chức chính trị xã hội ở xã bao gồm: Tổ chức Đảng, Chính quyền và Đoàn thể chính trị - xã hội: Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh xã.

b) Cán bộ, công chức xã bao gồm các chức vụ, chức danh quy định tại Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

b1. Đối với cán bộ xã⁵:

*** Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy đạt chuẩn khi có đủ các điều kiện sau:**

- Trình độ văn hóa: Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên;

- Chuyên môn, nghiệp vụ: Ở khu vực đồng bằng, độ thị có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Ở khu vực miền núi phải được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn (tương đương trình độ sơ cấp trở lên), nếu tham gia giữ chức vụ lần đầu phải có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên. Đã qua bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xây dựng đảng, nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước, nghiệp vụ quản lý kinh tế.

⁵ Quyết định 04/2004/QĐ- BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ

* Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã đạt chuẩn khi có đủ điều kiện sau:

- Trình độ văn hóa: Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Lý luận chính trị: Có trình độ trung cấp lý luận chính trị đối với khu vực đồng bằng; khu vực miền núi phải được bồi dưỡng lý luận chính trị tương đương trình độ sơ cấp trở lên;
- Chuyên môn, nghiệp vụ: Có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên đối với khu vực đồng bằng. Ở khu vực miền núi phải được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn (tương đương trình độ sơ cấp trở lên). Đã qua bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, nghiệp vụ quản lý kinh tế. Đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND phải qua lớp bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

* Chủ tịch Ủy ban Mặt trận, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM xã đạt chuẩn khi có đủ các điều kiện sau:

- Trình độ văn hóa: Có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên ở khu vực đồng bằng, tốt nghiệp tiểu học trở lên ở khu vực miền núi;
- Lý luận chính trị: Có trình độ sơ cấp và tương đương trở lên;
- Chuyên môn nghiệp vụ: Đã được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực công tác mà cán bộ đang đảm nhiệm tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

b2). Đối với cán bộ công chức xã:

- Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng và đô thị, tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với khu vực miền núi, hải đảo;
- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức được đảm nhiệm;
- Trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học Văn phòng trình độ A trở lên;
- Công tác lâu dài ở địa bàn dân tộc thiểu số, phải biết sử dụng thành thạo một tiếng dân tộc thiểu số chính trong khu vực. Đối với các xã có đông bào dân tộc sinh sống nhưng cán bộ công chức xã chưa được tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thì vẫn đánh giá là đạt (nhưng phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới);
- Sau khi được tuyển dụng phải hoàn thành chứng chỉ quản lý nhà nước và lý luận chính trị theo quy định. Đối với cán bộ công chức chưa được tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước và lý luận chính trị thì vẫn đánh giá là đạt (phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thời gian tới);
- Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các chức danh này.

c) Danh hiệu: “Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh” do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xét, công nhận hàng năm.

d) Danh hiệu chính quyền “Trong sạch, vững mạnh” do UBND huyện xét, công nhận hàng năm.

e) Danh hiệu tiên tiến của các đoàn thể của xã do tổ chức đoàn thể cấp huyện xét, công nhận hàng năm.

19. Tiêu chí số 19 (Tiêu chí an ninh, trật tự xã hội được giữ vững)

Xã đạt tiêu chí “An ninh trật tự xã hội được giữ vững” khi đạt 04 yêu cầu:

1. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người kéo dài

2. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn

3. Trên 70% số thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự

4. Hàng năm, Công an xã đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến trở lên.

Trong quá trình đánh giá hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu; đối với các địa phương có các tiêu chí, chỉ tiêu đã được các cơ quan chuyên môn thẩm định và công nhận đạt, nhưng trong thời gian chờ cấp giấy xác nhận (hoặc quyết định) thì vẫn đánh giá là đạt.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (Qua Văn phòng điều phối nông thôn mới) để kịp thời bổ sung, sửa đổi. /

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh,
- Chi cục thống kê các huyện, thị;
- UBND các huyện, thị xã;
- VPDP NTM;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quân Chính